

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

*(Ban hành theo Quyết định số 920/QĐ-ĐHDL, ngày 17 tháng 8 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Điện lực)*

Phần 1: Thông tin về chương trình đào

Chương trình đào tạo

Tên tiếng Việt: Thương Mại Điện Tử

Tên tiếng Anh: E-Commerce

Mã ngành đào tạo: 7340122

Trình độ đào tạo: Đại học

Thời gian đào tạo: 4 năm

Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Bằng Cử nhân

Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Điện lực

Nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng theo Quyết định số 226/QĐ-KĐCL ngày 30/6/2018 do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.

Thời điểm thiết kế/điều chỉnh bản mô tả: Năm học 2020- 2021

Phần 2: Mục tiêu chương trình, chuẩn đầu ra, học tập và đánh giá, cấu trúc chương trình đào tạo, mô tả học phần

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cung cấp kiến thức cơ bản về kinh doanh thương mại, đặc biệt là trong môi trường kinh doanh trực tuyến. Nắm vững những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về thương mại điện tử, có năng lực tổ chức và phát triển các giải pháp ứng dụng tin học hỗ trợ các hoạt động giao dịch điện tử, thương mại, kinh doanh điện tử, an toàn trong giao dịch điện tử. Nắm được các phương pháp phân tích, thiết kế hệ thống kinh doanh trực tuyến, thanh toán điện tử, công nghệ web và mạng xã hội, kỹ năng phân tích, tổng hợp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực kinh doanh thương mại trên nền tảng internet; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức về các giải pháp tin học để có thể giải quyết các công việc liên quan; tích lũy được kiến thức nền tảng trong lĩnh vực thương mại điện tử; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật. Nắm vững các kiến thức về hoạt động sản xuất- kinh doanh thuộc môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế, giúp sinh viên hiểu về kinh doanh thương mại quốc tế (xuất- nhập khẩu, chuyển giao công nghệ, giao nhận, vận tải và bảo hiểm quốc tế, Logistic, thanh toán quốc tế...).

1.2.2. Kỹ năng

Có kỹ năng quản lý và kinh doanh thương mại quốc tế; nghiên cứu về cung cầu; có kỹ năng hoạch định và triển khai chiến lược, kế hoạch Marketing trực tuyến và sử dụng các công cụ Marketing trực tuyến trong triển khai các kế hoạch. Có khả năng quản trị Website thương mại điện tử, triển khai các hoạt động tác nghiệp trong doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử; sử dụng và khai thác các phần mềm tác nghiệp thương mại điện tử phổ biến; nâng cao về sử dụng các phần mềm tin học thông dụng và các

công cụ của mạng Internet. Có khả năng đánh giá, lựa chọn và triển khai các giải pháp về thương mại điện tử.

1.2.3. Thái độ

Có ý thức, sáng kiến trong quá trình thực hiện công việc kinh doanh trực tuyến; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn; có khả năng giải quyết các vấn đề về kinh doanh thông thường và một số vấn đề kinh doanh phức tạp; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động kinh doanh.

1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Đối với chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng đảm nhiệm các vị trí công tác sau:

- Quản lý, vận hành các giải pháp kinh doanh thương mại điện tử trực tuyến.
- Thực hiện giao dịch, xử lý đơn hàng, phân tích các dữ liệu đơn hàng, thu thập dữ liệu khách hàng trong kinh doanh TMĐT.
- Quản lý các trang bán hàng trực tuyến.
- Quản lý hệ thống phân phối và giao nhận kho vận phục vụ kinh doanh thương mại điện tử.
- Quản lý và thực hiện các giao dịch trong kinh doanh thương mại quốc tế.
- Chuyên gia phân tích dữ liệu marketing và dữ liệu thị trường.
- Khởi nghiệp dựa trên khả năng phát hiện các cơ hội đầu tư.

2. Chuẩn đầu ra: Chuẩn đầu ra chung cho ngành Quản trị kinh doanh

(11 + 4 = 15 CDR phù hợp với Khung năng lực quốc gia QĐ 1982/2016)

Nhóm CDR	Mã CDR	Chi tiết
CDR – Kiến thức	1	Hiểu và vận dụng các kiến thức, kỹ thuật, kỹ năng và công cụ tiên tiến trong lĩnh vực kinh doanh - quản lý;
	2	Áp dụng các kiến thức khoa học xã hội để lĩnh hội chuyên môn, giải quyết các tình huống trong quản lý công việc;
	3	Vận dụng kiến thức công nghệ thông tin trong lĩnh vực kinh doanh - quản lý.
	4	Vận dụng kiến thức để lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong quá trình thực hiện kinh doanh - quản lý.
	5	Vận dụng các kiến thức cơ bản trong quản lý, điều hành trong hoạt động kinh doanh - quản lý.
CDR – Kỹ năng	9	Có khả năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh - quản lý;
	10	Có kỹ năng dẫn dắt, hướng dẫn người khác thực hiện của công việc do mình quản lý, tư vấn.
	11	Có kỹ năng phản biện, phê phán và đưa ra các biện pháp xử lý khác nhau trong kinh doanh - quản lý

Nhóm CDR	Mã CDR	Chi tiết
	12	Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả của các thành viên trong nhóm
	13	Có khả năng viết, thuyết trình, sử dụng các công cụ biểu đồ, hình ảnh cho việc trao đổi thông tin, kiến thức kinh doanh - quản lý; có khả năng tìm kiếm và sử dụng các tài liệu chuyên môn, các chuẩn mực ngành nghề và các quy định pháp lý khác phục vụ cho công việc;
	14	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
CDR – Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm	18	Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm theo nhóm; biết tự chịu trách nhiệm với kết quả làm việc của cá nhân và với nhóm.
	19	Có trách nhiệm trong hướng dẫn cũng như giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ đặt ra.
	20	Có hiểu biết về những ảnh hưởng, tác động công việc thực hiện tới xã hội và các bên liên quan; Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cao, tôn trọng niềm tin các bên liên quan
	21	Có ý thức về đảm bảo chất lượng theo chính sách quản lý chất lượng công việc, quản lý các nguồn lực và liên tục cải tiến trong công tác; Có ý thức không ngừng học hỏi và trau dồi nghề nghiệp, có khả năng tự định hướng để phát triển sự nghiệp

2.2. Chuẩn đầu ra chuyên biệt ngành thương mại điện tử (4 CDR)

Nhóm CDR	Mã CDR	Chi tiết
CDR – Kiến thức	6	Vận dụng các kiến thức về quản lý, triển khai hoạt động kinh doanh trên nền tảng số và kết nối internet (giao dịch trực tuyến)
	7	Ứng dụng các công cụ giao dịch trực tuyến (vd. thanh toán điện tử, đặt hàng trực tuyến), và quản lý bán hàng và quảng bá (e-marketing) và các hoạt động phụ trợ (back-office) bán hàng trực tuyến (e-logistics...).
CDR – Kỹ năng	15	Có kỹ năng triển khai các phương thức, các công cụ và tiện ích kinh doanh trực tuyến
	16	Có kỹ năng quản lý quan hệ khách hàng trực tuyến và quản lý các dịch vụ hỗ trợ trực tuyến

2.3. Chuẩn đầu ra chuyên biệt chuyên ngành kinh doanh thương mại trực tuyến (2 CDR)

Nhóm CDR	Mã CDR	Chi tiết
CDR – Kiến thức	8	Vận dụng hệ thống kinh doanh trực tuyến, lựa chọn sản phẩm và bán hàng trực tuyến,
CDR – Kỹ năng	17	Có kỹ năng thiết kế các sản phẩm dịch vụ trực tuyến, có kỹ năng về quản lý các hoạt động phụ trợ (back-office) phục vụ bán hàng trực tuyến

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 Tín chỉ

(Không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)

4. Đối tượng tuyển sinh:

- Đã tốt nghiệp PTTH (giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên), hoặc đã tốt nghiệp trung cấp;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Không vi phạm pháp luật, không trong thời gia bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Hình thức tuyển sinh: Tham dự kỳ thi tuyển sinh đại học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp và điểm đánh giá học phần, tốt nghiệp:

Tổ chức thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo.

6. Cách thức đánh giá: Chấm điểm theo thang điểm 10 và quy đổi theo thang điểm chữ theo quy định tại Quy chế đào tạo hiện hành.

7. Ma trận chuẩn đầu ra và môn học: (5 cấp bậc đánh giá: 1. Hiểu; 2. Ứng dụng; 3. Phân tích; 4. Tổng hợp; 5. Đánh giá)

** Ghi chú: Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình*

TT	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	TC1	TC2	TC3	TC4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	003923	Triết học Mác - Lê nin	3	45	0		2																		1	
2	003925	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	30	0		2																		1	
3	003926	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0		2																		1	
4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0		2																		1	
5	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0		2																		1	
6	003137	Tiếng Anh 1	4	60	0														2							
7	003144	Tiếng Anh 2	3	45	0														2							
8	000801	Giáo dục thể chất	4	5	110																					
9	000785	Giáo dục quốc phòng	11	90	75																					
10	003360	Toán cao cấp 1	2	30	0	2																				
11	003366	Toán cao cấp 2	2	30	0	2																				
12	003657	Xác suất thống kê	2	30	0	2																				
13	001893	Nhập môn tin học	3	45	0			2										2								
14	002018	Pháp luật đại cương	2	30	0				2							2									4	
15	002244	Quản trị học	3	45	0		2		2						2	2							2	2		
16	001216	Kinh tế vi mô	3	45	0		2		2	2				2												
17	001223	Kinh tế vĩ mô	2	30	0					3				2									2		2	
18	001852	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	45	0	2		3										2								

19	002078	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	3	45	0	3											3									
20	001671	Marketing căn bản	2	30	0		3			3	2		2							3	2					
21	001838	Nguyên lý kế toán	3	45	0	2				3												2		2	2	
22	003887	Nhập môn kinh doanh trực tuyến	2	30	0						2	3	3	3					3	3					2	
23	002208	Quản lý tài chính	3	45	0	3			2					3	2	3	2	3					3	2	3	3
24	002199	Quản lý tác nghiệp	3	45	0	4			2	3				2		2	2	2					3	2		3
25	001967	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45	0	3			2		2			2												
26	001422	Lập trình C nâng cao	3	45	0			2			2	2							2							
27	001878	Nhập môn cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	45	0						3	3(4)	3						4	3	2				3	
28	001611	Lý thuyết tiền tệ ngân hàng	2	30	0	2					2	2		2												
29	000837	Hành vi tổ chức*	2	30	0	3	3		2					2	2	3						3		2	2	
30	001051	Kế toán quản trị và chi phí	2	30	0		2		2						3											
31	001981	Phân tích thẩm định dự án	2	24	6							1			3		1									
32	003889	Quản lý bán lẻ	2	30	0	3	2		2	2	2			2	3	2		3		2	2	3	3	2		
33	003885	Hành vi người tiêu dùng*	2	30	0		2		2	2				2	3							2		3		
34	001877	Nhập môn an toàn và bảo mật thông tin	2	21	9			3			3	3	3								3					
35	002176	Quản lý nhân lực	3	45	0	2	2		2					2	2	2	2					2	2	2	2	
36	003891	Quản trị thương hiệu	2	30	0	3			2				2		3	2		3	2		2	3	2	2		
37	002222	Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng	2	30	0						2	3	3						3	3		2	2	2	3	
38	003883	Chiến lược kinh doanh trực tuyến	2	30	0	2			2	2	3		3	2												
39	003888	Pháp luật trong kinh doanh TMĐT	2	30	0				2		3					2							2	3	2	

40	003896	Tiếng Anh Thương mại điện tử	3	45	0			3			3	3	3					4	3	3	3				
41	003093	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam	3	30	0				2					2	2	2						2	2	3	3
42	000962	Hệ thống thông tin quản lý	2	30	0	2		2							5		4			3					
43	001841	Nguyên lý lập trình hướng đối tượng	2	24	6			3			2	2	2								2				
44	000247	Cơ sở lập trình web	2	21	9			3			3	3	3							3					
45	003895	Quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu*	2	30	0	2			2	2				2	3	2		3			3			2	
46	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế*	2	30	0	2		3									3								
47	001806	Nghiệp vụ kinh doanh ngoại thương*	2	30	0	2			2					2		3		3							
48	003893	Thương mại di động (M- Commerce)	3	45	0			2			3	3							3	3					
49	002396	Thanh toán quốc tế	3	30	0	2			2				3	2			3				3				
50	003884	ERP - Hệ thống quản lý nguồn lực doanh nghiệp	2	30	0	2		3	2	2	3	2	3				2	2	3	3	2				
51	002184	Quản lý quan hệ khách hàng	2	30	0					2		2	3				3			2	3				
52	003892	Thanh toán điện tử	2	30	0						2	4	2						2	3					
53	003886	Marketing số	3	45	0					3	3	3	3						2	3	3	2			
54	003894	Logistics trong kinh doanh TMĐT	3	45	0						3	3	4												
55	002120	Quản lý dự án	2	30	0	2			2	2				2			3	3				2	3	2	3
56	003890	Quản lý kho hàng và trung tâm phân phối*	2	30	0	2			2	2	2	2													

57	001415	Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh	2	30	0				2		3		2	3	2								3	3	3	3
58	001674	Marketing dịch vụ	2	30	0					2	2		2							2						
59	002260	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	30	0				2									3								
60	001796	Nghiên cứu marketing	2	30	0					2				2	2	2	2	3								
61	002268	Quản trị rủi ro	2	30	0									2	3	3		3								
62	002150	Quản lý mua hàng*	2	30	0	2			2		2	2		3												
63	003897	Thực hành môn học thương mại điện tử	4		120		2									2				2	2	2			3	3
64	003029	Thực tập tốt nghiệp	4		120		3												3	3	3				3	3
65	003798	Khóa luận tốt nghiệp	10		300		4						3	2	3	4	2	4		3	2	3	3	2	3	3
			130	1,650	555	45	33	21	34	30	39	33	35	25	21	36	18	31	17	31	31	27	29	18	44	34

8. Cấu tạo chương trình

Khối kiến thức			Tín chỉ (TC)		Tỷ lệ %
			Yêu cầu	Tự chọn	
Giáo dục đại cương	Khoa học Mác Lênin		11		9
	Toán - Tin - Khoa học tự nhiên		9		8
	Khối kiến thức Khoa học Xã hội và nhân văn		5		4
	Ngoại ngữ		7		6
	Giáo dục thể chất		Chứng chỉ		
	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		Chứng chỉ		
Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở ngành	TMĐT	33	4	28
	Ngành		23	6	20
	Chuyên ngành	KDTM trực tuyến	10	4	9
	Thực hành môn học Thương mại điện tử		4		3
	Thực tập tốt nghiệp		4		3
	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp		10		9
Cộng			116	14	100%
			130		

9. Kế hoạch học tập dự kiến:

Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử - Chuyên ngành Kinh doanh thương mại trực tuyến

TT	HK	MMH	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Số bài KT	Khoa QL
1	1	003923	Triết học Mác - Lê nin	3	45	0		GDDC	Tiểu luận	2	BM KHCT
2	2	003925	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	30	0	003923	GDDC	Tiểu luận	2	BM KHCT
3	3	003926	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	003925	GDDC	Tiểu luận	1	BM KHCT
4	5	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	003928	GDDC	Tiểu luận	2	BM KHCT
5	4	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0	003926	GDDC	Tiểu luận	2	BM KHCT
6	1	003137	Tiếng Anh 1	4	60	0		GDDC	Trắc nghiệm	2	KNN
7	2	003144	Tiếng Anh 2	3	45	0		GDDC	Trắc nghiệm	2	KNN
8	2	000801	Giáo dục thể chất	4	5	110		Chứng chỉ	Thực hành	4	BM GDTC & QPAN
9	2	000785	Giáo dục quốc phòng	11	90	75		Chứng chỉ	Tự luận	5	BM GDTC & QPAN
10	1	003360	Toán cao cấp 1	2	30	0		GDDC	Tự luận	2	KHTN
11	1	003366	Toán cao cấp 2	2	30	0		GDDC	Tự luận	2	KHTN
12	2	003657	Xác suất thống kê	2	30	0		GDDC	Tự luận	2	KHTN
13	1	001893	Nhập môn tin học	3	45	0		GDDC	Thực hành	1	CNTT
14	1	002018	Pháp luật đại cương	2	30	0		GDDC	Trắc nghiệm	2	BM KHCT
15	3	002244	Quản trị học	3	45	0	001216	GDDC	Trắc nghiệm	2	KT&QL
16	1	001216	Kinh tế vi mô	3	45	0		CS ngành	Trắc nghiệm	2	KT&QL
17	3	001223	Kinh tế vĩ mô	2	30	0	001216	CS ngành	Trắc nghiệm	2	KT&QL
18	4	001852	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	45	0	003657	CS ngành	Trắc nghiệm	2	KT&QL
19	4	002078	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	3	45	0		CS ngành	Tự luận	2	KT&QL

TT	HK	MMH	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Số bài KT	Khoa QL
20	3	001671	Marketing căn bản	2	30	0	001216	CS ngành	Trắc nghiệm	1	KT&QL
21	3	001838	Nguyên lý kế toán	3	45	0	001216	CS ngành	Trắc nghiệm	2	KT&QL
22	3	003887	Nhập môn kinh doanh trực tuyến	2	30	0	001216	CS ngành	Trắc nghiệm	2	KT&QL
23	4	002208	Quản lý tài chính	3	45	0	001838	CS ngành	Trắc nghiệm	2	KT&QL
24	4	002199	Quản lý tác nghiệp	3	45	0	002244	CS ngành	Tự luận	2	KT&QL
25	6	001967	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45	0	002208	CS ngành	Tự luận	2	KT&QL
26	4	001422	Lập trình C nâng cao	3	45	0	001893	CS ngành	Thực hành	2	CNTT
27	3	001878	Nhập môn cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	45	0	001893	CS ngành	Thực hành	2	CNTT
28	3	001611	Lý thuyết tiền tệ ngân hàng	2	30	0	001216	CS ngành	Trắc nghiệm	2	KT&QL
29	5	000837	Hành vi tổ chức*	2	30	0	002244	CS ngành	Trắc nghiệm	2	KT&QL
30	5	001051	Kế toán quản trị và chi phí	2	30	0	001838	CS ngành	Tự luận	2	KT&QL
31	5	001981	Phân tích thẩm định dự án	2	24	6	002199	CS ngành	Tự luận	1	KT&QL
32	6	003889	Quản lý bán lẻ	2	30	0	002199	CS ngành	Tự luận	1	KT&QL
33	5	003885	Hành vi người tiêu dùng*	2	30	0	001671	CS ngành	Tự luận	2	KT&QL
34	5	001877	Nhập môn an toàn và bảo mật thông tin	2	21	9	001893	CS ngành	Thực hành	2	CNTT
35	6	002176	Quản lý nhân lực	3	45	0	002244	Ngành	Trắc nghiệm	2	KT&QL
36	6	003891	Quản trị thương hiệu	2	30	0	003887	Ngành	Tự luận	2	KT&QL
37	6	002222	Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng	2	30	0	001671	Ngành	Tự luận	1	KT&QL
38	7	003883	Chiến lược kinh doanh trực tuyến	2	30	0	003887	Ngành	Tự luận	2	KT&QL
39	4	003888	Pháp luật trong kinh doanh TMĐT	2	30	0	003888	Ngành	Tự luận	2	KT&QL
40	5	003896	Tiếng Anh Thương mại điện tử	3	45	0	003144	Ngành	Tự luận	2	KT&QL
41	5	003093	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam	3	30	0	001838	Ngành	Trắc nghiệm	2	KT&QL
42	6	000962	Hệ thống thông tin quản lý	2	30	0	003786	Ngành	Tự luận	1	KT&QL

TT	HK	MMH	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Số bài KT	Khoa QL
43	7	001841	Nguyên lý lập trình hướng đối tượng	2	24	6	001878	Ngành	Thực hành	2	CNTT
44	6	000247	Cơ sở lập trình web	2	21	9	001422	Ngành	Tiểu luận	2	CNTT
45	5	003895	Quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu*	2	30	0	002199	Ngành	Tự luận	2	KT&QL
46	5	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế*	2	30	0	001893	Ngành	Thực hành	2	KT&QL
47	5	001806	Nghiệp vụ kinh doanh ngoại thương*	2	30	0	001223	Ngành	Tự luận	1	KT&QL
48	5	003893	Thương mại di động (M-Commerce)	3	45	0	003887	Ngành	Tự luận	1	KT&QL
49	5	002396	Thanh toán quốc tế	3	30	0	001806	Ngành	Tự luận	2	KT&QL
50	5	003884	ERP - Hệ thống quản lý nguồn lực doanh nghiệp	2	30	0	000962	Ngành	Tự luận	1	CNTT
51	6	002184	Quản lý quan hệ khách hàng	2	30	0	002222	CN	Tự luận	2	KT&QL
52	6	003892	Thanh toán điện tử	2	30	0	003887	CN	Tự luận	2	KT&QL
53	7	003886	Marketing số	3	45	0	001671	CN	Tự luận	2	KT&QL
54	7	003894	Logistics trong kinh doanh TMĐT	3	45	0	002199	CN	Tự luận	2	QLCN&NL
55	7	002120	Quản lý dự án	2	30	0	002208	CN	Tự luận	2	KT&QL
56	7	003890	Quản lý kho hàng và trung tâm phân phối*	2	30	0	002199	CN	Tự luận	2	QLCN&NL
57	7	001415	Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh	2	30	0	002244	CN	Tiểu luận	2	KT&QL
58	6	001674	Marketing dịch vụ	2	30	0	001671	CN	Tự luận	2	KT&QL
59	6	002260	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	30	0	001806	CN	Tự luận	1	KT&QL
60	7	001796	Nghiên cứu marketing	2	30	0	001671	CN	Tự luận	1	KT&QL
61	6	002268	Quản trị rủi ro	2	30	0	002199	CN	Tự luận	2	KT&QL
62	7	002150	Quản lý mua hàng*	2	30	0	002199	CN	Tự luận	1	KT&QL
63	7	003897	Thực hành môn học thương mại điện tử	4		120	002184	CN	BCCĐ	0	KT&QL
64	8	003029	Thực tập tốt nghiệp	4		120	003897	CN	BCCĐ	0	KT&QL
65	8	003798	Khóa luận tốt nghiệp	10		300	003029	CN	BCCĐ	0	KT&QL
			TỔNG	130	1,650	555					

10. Mô tả các học phần

10.1. Triết học Mác Lênin

Mã môn học: 003923

TC: 3

Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng của Triết học Mác - Lênin: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó, giúp sinh viên có tư duy logic, phương pháp luận khoa học và cách mạng vận dụng một cách chủ động, sáng tạo kiến thức đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

10.2. Kinh tế chính trị Mác Lênin

Mã môn học: 003925

TC: 2

Trang bị cho sinh viên những tri thức cốt lõi, cơ bản của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hình thành ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin.

10.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã môn học: 003926

TC: 2

Học phần cung cấp những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

10.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã môn học: 003505

TC: 2

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học thuộc lĩnh vực Khoa học chính trị, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết về chính trị - xã hội, văn hóa thời đại Hồ Chí Minh sống và thực hành đạo đức cách mạng. Từ đó, vận dụng vào xây dựng xã hội mới, con người mới văn minh, tiến bộ. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng ta (1991) đã ghi vào Cương lĩnh và Điều lệ của mình: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động”. Do đó, học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh các bạn có một nền tảng vững chắc cho tư duy lý luận đúng đắn, có một phương pháp luận cách mạng, khoa học để bạn học tập tốt các môn chuyên ngành cũng như sau này trong quá trình công tác của bản thân.

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương, sinh viên sẽ được giới thiệu về khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; hệ thống những quan điểm, lý luận của Hồ Chí Minh và những quan điểm vận dụng của Đảng ta vào sự nghiệp đổi mới đất nước. Từ những nội dung đó, giúp người học nắm được giá trị, ý nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh. Với mỗi nội dung, sinh viên sẽ được học lý thuyết đi đôi với thảo luận các vấn đề liên quan đến bài học.

10.5. Lịch sử Đảng CS Việt Nam

Mã môn học: 003928

TC: 2

Thông qua các sự kiện và sự đúc kết kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao tư tưởng, lòng tự hào, niềm tin của sinh viên đối với sự lãnh đạo của Đảng trong lịch sử và hiện tại.

10.6. Tiếng Anh 1

Mã môn học: 003137

TC: 4

Nắm và vận dụng được kiến thức Anh văn ở trình độ B ở năm thứ nhất. Cung cấp vốn từ vựng khoảng 1500 từ và chương trình ngữ pháp trình độ B. Các thi hiện tại đơn giản, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn giản, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành.

10.7. Tiếng Anh 2**Mã môn học: 003144****TC: 3**

Nắm và vận dụng kiến thức Anh văn ở trình độ B ở năm học thứ hai. Cung cấp vốn từ vựng khoảng 2000- 3000 từ và chương trình ngữ pháp trình độ B. Các thì tương lai gần, tương lai đơn giản, thì quá khứ hoàn thành, thể bị động, cấu trúc used to

10.8. Giáo dục thể chất**Mã môn học: 000801-000808- 000813- 000816****TC: 4**

Thực hiện theo Quyết định số 1547/QĐ-ĐHDL ngày 04/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực về Chương trình môn học giáo dục thể chất dùng cho hệ đại học.

10.9. Giáo dục quốc phòng**Mã môn học: 000785- 000788- 000791- 003788 TC: 11**

Thực hiện theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ GD&ĐT về Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

10.10. Toán cao cấp 1**Mã môn học: 003360****TC: 2**

Nắm và vận dụng được một cách cơ bản về Đại số tuyến tính như: Không gian véc tơ, ma trận, hệ phương trình tuyến tính, định thức... Môn học không đi sâu vào việc chứng minh các định lý mà chú trọng vào việc ứng dụng của ma trận và làm nền cho các môn học khác

10.11. Toán cao cấp 2**Mã môn học: 003366****TC: 2**

Nắm được kiến thức về giới hạn hàm số, phép tính vi phân tích phân hàm một biến, các phương pháp tính tích phân xác định, tích phân suy rộng hàm một biến số

10.12. Xác suất thống kê**Mã môn học: 003657****TC: 2**

Nắm được các kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất: Các khái niệm và các định lý về xác suất và biến ngẫu nhiên một chiều. Phần lý thuyết về thống kê toán học gồm lý thuyết mẫu, ước lượng, kiểm định giả thuyết thống kê.

10.13. Nhập môn tin học**Mã môn học: 001893****TC: 3**

Nắm được các kiến thức cơ bản về máy tính, tư duy chung về thuật toán, các vấn đề cơ bản nhất của ngôn ngữ lập trình C như: cấu trúc chương trình C, các dạng cấu trúc điều khiển.

10.14. Pháp luật đại cương**Mã môn học: 002018****TC: 2**

Nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật. Ngoài ra còn giáo dục ý thức pháp luật cho học sinh, sinh viên, để góp phần vào việc xây dựng ý thức sống và học tập theo Hiến pháp và Pháp luật.

10.15. Quản trị học**Mã môn học: 002244****TC: 3**

Cung cấp các nội dung kiến thức bao gồm: Các khái niệm, nguyên tắc cơ bản của quản trị; thông tin và ra quyết định trong quản trị; các chức năng quản trị (Hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra); lý thuyết về tổ chức và hành vi của tổ chức.

10.16. Kinh tế vi mô**Mã môn học: 001216****TC: 3**

Nắm được nội dung kiến thức cơ bản của Kinh tế vi mô bao gồm: Kinh tế học và các vấn đề cơ bản của kinh tế học, thị trường, cung và cầu, lý thuyết về tiêu dùng, lý thuyết về sản xuất, cấu trúc thị trường và cạnh tranh không hoàn hảo, thị trường các yếu tố sản xuất, cân bằng tổng thể, vai trò của chính phủ trong nền kinh tế.

10.17. Kinh tế vĩ mô**Mã môn học: 001223****TC: 2**

Nắm được các kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, bao gồm: Tổng quan về kinh tế học vĩ mô, tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân, tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tổng cung và chu kỳ kinh doanh, thất nghiệp và lạm phát, kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

10.18. Nguyên lý thống kê kinh tế**Mã môn học: 001852****TC: 3**

Nắm được các khái niệm và các phương pháp cơ bản phân tích và xử lý các số liệu thống kê kinh tế, các khái niệm về biến ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất thông dụng; các phương pháp lấy mẫu và các phân phối mẫu; ước lượng khoảng tin cậy và kiểm định các giả thuyết thống kê; các phương pháp phân tích phương sai và các phương pháp phân tích tương quan và hồi quy.

10.19. Phương pháp tối ưu trong kinh tế**Mã môn học: 002078****TC: 3**

Nắm được những kiến thức cơ bản về mô hình hóa bài toán, nắm được các phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính và bài toán đối ngẫu, mô hình mạng và lý thuyết ra quyết định. Trang bị cho sinh viên kỹ năng chuyển các tình huống thực tế trong quản lý kinh tế thành dạng mô hình toán học, từ đó giúp đưa ra quyết định tối ưu trong kinh doanh. Ngoài ra, môn học cung cấp cho sinh viên một số phần mềm giải toán quy hoạch tối ưu.

10.20. Marketing căn bản**Mã môn học: 001671****TC: 2**

Nắm được bản chất của hoạt động marketing, quá trình quản trị marketing trong doanh nghiệp, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, xây dựng chiến lược marketing - MIX (sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến bán hàng) cho thị trường mục tiêu.

10.21. Nguyên lý kế toán**Mã môn học: 001838****TC: 3**

Nắm và vận dụng kiến thức cơ bản về: Bản chất hạch toán kế toán, đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán và hạch toán các nghiệp vụ kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp, sổ kế toán và các hình thức sổ kế toán, bộ máy kế toán và mô hình tổ chức bộ máy kế toán.

10.22. Nhập môn kinh doanh trực tuyến**Mã môn học: 003887****TC: 2**

Học phần bao gồm các kiến thức về tổng quan về thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh trực tuyến, môi trường và điều kiện kinh doanh trực tuyến, tiếp thị trực tuyến, thanh toán trong kinh doanh trực tuyến, các rủi ro trong kinh doanh trực tuyến, ứng dụng và triển khai kinh doanh trực tuyến trong doanh nghiệp

10.23. Quản lý tài chính**Mã môn học: 002208****TC: 3**

Nắm được những vấn đề căn bản của quản trị tài chính, mô hình dòng tiền, phân tích kết quả sản xuất kinh doanh, rủi ro và lợi nhuận, trái phiếu và cổ phiếu, chi phí vốn, phân tích và quyết định đầu tư, đòn bẩy tài chính, quản trị tiền mặt, quản trị khoản phải thu và hàng tồn kho.

10.24. Quản lý tác nghiệp**Mã môn học: 002199****TC: 3**

Giúp cho học viên nắm được kiến thức: Hệ thống sản xuất của doanh nghiệp; Phương pháp phân tích đánh giá kết quả sản xuất; Xây dựng chiến lược sản xuất; Lập kế hoạch sản xuất và chỉ đạo thực hiện kế hoạch; Quản lý kho hàng và Tổ chức phục vụ quá trình sản xuất; ứng dụng kỹ thuật tin học trong quản lý sản xuất.

10.25. Phân tích hoạt động kinh doanh**Mã môn học: 001967****TC: 3**

Nắm vững và vận dụng được kiến thức bao gồm: Phân tích hoạt động sản xuất kinh

doanh cung cấp cho học viên những nội dung kiến thức bao gồm: Tổng quan về phân tích hoạt động kinh doanh, phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất, phân tích chi phí kinh doanh, phân tích kết quả hoạt động kinh doanh, phân tích lợi nhuận, phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến kết quả đó nhằm tìm hiểu bản chất và nguyên nhân để có thể đề xuất các biện pháp khắc phục

10.26. Lập trình C nâng cao

Mã môn học: 001422

TC: 3

Giúp cho học viên hiểu các kiến thức nâng cao về hàm, các kiểu dữ liệu có cấu trúc, con trỏ và cấp phát bộ nhớ động trong ngôn ngữ lập trình C.

10.27. Nhập môn cấu trúc dữ liệu và giải thuật

Mã môn học: 001878

TC: 3

Giúp cho học viên hiểu kiến thức và kỹ năng lập trình cơ bản về thuật toán, độ phức tạp tính toán, các cấu trúc dữ liệu và các mô hình dữ liệu: danh sách, cây, tập hợp và các phép toán trên các mô hình đó.

10.28 Lý thuyết tiền tệ ngân hàng

Mã môn học: 001611

TC:2

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiền tệ và ngân hàng trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời hiểu các biến động về tiền tệ, về thực tiễn hoạt động của thị trường tài chính, hoạt động của ngân hàng trung ương và việc điều hành chính sách tiền tệ

10.29. Hành vi tổ chức

Mã môn học: 000837

TC: 2

Giúp cho học viên nắm được những kiến thức bao gồm: Khái niệm và nội dung cơ bản của hành vi tổ chức, cơ sở của hành vi cá nhân (nhận thức, thái độ, tính cách), học tập và động cơ, ra quyết định cá nhân, xung đột trong tổ chức, nhóm và tổ, xây dựng nhóm và tổ hiệu quả, ra quyết định nhóm và lãnh đạo trong doanh nghiệp.

10.30. Kế toán quản trị và chi phí

Mã môn học: 001051

TC: 2

Giúp cho học viên nắm vững những vấn đề chung về kế toán quản trị và chi phí, phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận, phân bổ chi phí của các bộ phận phục vụ và phân tích báo cáo bộ phận, dự toán sản xuất kinh doanh, phân tích biến động chi phí, đánh giá trách nhiệm quản lý và định giá sản phẩm, thông tin thích hợp của kế toán cho việc ra quyết định.

10.31. Phân tích thẩm định dự án

Mã môn học: 001981

TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức về phân tích thẩm định dự án cung cấp học viên các kiến thức bao gồm: Tổng quan về phân tích dự án đầu tư, báo cáo dòng tiền dự án, tính toán dòng tiền dự án, các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả dự án đầu tư, thẩm định dự án, phân tích lạm phát, quy mô và thời điểm đầu tư, rủi ro dự án và các phương pháp phân tích rủi ro dự án, phân tích mô phỏng dự án.

10.32. Quản lý bán lẻ

Mã môn học: 003889

TC: 2

Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý bán lẻ như các khái niệm nền tảng trong bán lẻ, xu thế phát triển của bán lẻ; các mô hình bán lẻ. Giúp sinh viên tích lũy các kỹ năng quản lý bán lẻ và vận dụng tốt trong thực tế hoạt động kinh doanh bán lẻ của tổ chức, doanh nghiệp.

10.33. Hành vi người tiêu dùng

Mã môn học: 003885

TC: 2

Giúp cho học viên những kiến thức cơ bản về vai trò, phân loại khách hàng, nội dung nghiên cứu khách hàng. Tập trung vào những yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng (văn hoá, giai tầng – địa vị, nhóm tham khảo, gia đình) và những yếu tố bên trong

cá nhân ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng (cá tính – lối sống, động cơ, hiểu biết – nhận thức và thái độ) từ đó nghiên cứu quyết định mua sắm của người tiêu dùng.

10.34. Nhập môn an toàn và bảo mật thông tin Mã môn học: 001877 TC: 3

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò của an toàn và bảo mật thông tin; các phương pháp tấn công, các phương pháp mã hóa, các giải pháp đảm bảo an toàn mạng, thiết bị, ứng dụng và dữ liệu.

10.35. Quản lý nhân lực Mã môn học: 002176 TC: 3

Nắm và vận dụng được nội dung cơ bản của hoạt động quản trị nhân lực, phân tích công việc, lập kế hoạch, tuyển dụng nhân viên đến việc đãi ngộ, trả công, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và các quan hệ nhân sự ở trong doanh nghiệp.

10.36. Quản trị thương hiệu Mã môn học: 003891 TC: 2

Trang bị cho sinh viên các kiến thức về quản trị thương hiệu theo tiếp cận hiện đại, đồng thời, đào tạo các kỹ năng phân tích tình huống xâm phạm và xử lý các tranh chấp thương hiệu, dựng kịch bản và quản bá thương hiệu, mở rộng và làm mới thương hiệu

10.37. Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng Mã môn học: 002222 TC: 2

Nắm vững và vận dụng những kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng như các khái niệm nền tảng, các nguyên tắc, kỹ thuật... trong quản trị hoạt động bán hàng, quản trị nhân viên bán hàng và hoạt động chăm sóc khách hàng.

10.38. Chiến lược kinh doanh trực tuyến Mã môn học: 003883 TC: 2

Trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cơ bản về xây dựng chiến lược kinh doanh thương mại trực tuyến như các khái niệm nền tảng trong kinh doanh trực tuyến; phân tích môi trường bên trong, bên ngoài để thấy cơ hội, thách thức, điểm mạnh và điểm yếu; xây dựng lợi thế cạnh tranh và hoạch định các hoạt động cụ thể trong kinh doanh trực tuyến.

10.39. Pháp Luật trong thương mại điện tử Mã môn học: 003888 TC: 2

Học phần cung cấp những khái niệm chung, các nội dung liên quan đến pháp luật trong thương mại điện tử. Việc nắm bắt tốt các vấn đề, quy tắc pháp lý này sẽ giúp tổ chức, doanh nghiệp đạt được mục tiêu chung với hiệu quả cao

10.40. Tiếng Anh chuyên ngành TMĐT Mã môn học: 003896 TC: 3

Học phần cung cấp các kỹ năng sử dụng tiếng anh trong lĩnh vực thương mại điện tử. Các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết đều được đề cập đến trong học phần thông qua các tình huống cụ thể trong doanh nghiệp thương mại điện tử để sinh viên có thể nắm bắt được thực tế nhanh nhất.

10.41. Thuế và hệ thống thuế Việt Nam Mã môn học: 003093 TC: 3

Nắm vững và vận dụng được kiến thức cơ bản bao gồm: Tổng quan về thuế, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, phí, lệ phí và các loại thuế khác.

10.42. Hệ thống thông tin quản lý Mã môn học: 000962 TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức bao gồm: Tổng quan về hệ thống thông tin quản lý, các khái niệm cơ bản về cơ sở hạ tầng CNTT, các phương pháp khai thác Internet và cơ sở hạ tầng CNTT mới, cải tổ quy trình nghiệp vụ và cải tiến hệ thống, thực hành thiết kế và sử dụng hệ thống kế toán doanh nghiệp, hệ thống quản lý toàn doanh nghiệp ERP.

10.43 Nguyên lý lập trình hướng đối tượng Mã môn học: 001841 TC: 3

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên lý và kỹ năng lập trình hướng đối tượng: đối tượng, lớp, thừa kế, khuôn hình

10.44 Cơ sở lập trình Web Mã môn học: 000247 TC: 2

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nền tảng Web, các kỹ năng thiết kế Web với HTML, CSS và JavaScript.

10.45 Quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu Mã môn học: 003895 TC: 2

Trang bị cho sinh viên các kiến thức liên quan đến vấn đề nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trên toàn bộ chuỗi cung ứng bằng cách lồng ghép các quan điểm khác nhau để phát triển sự hiểu biết rộng rãi về cách quản lý chuỗi cung ứng.

10.46. Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế Mã môn học: 003786 TC: 2

Nắm vững được những kiến thức cơ bản bao gồm: Các dụng cụ đo lường, mã hóa-sơ đồ mã, bản hỏi đến phần mềm SPSS, sử dụng hàm trong bảng tính, vẽ đồ thị trên bảng tính, phân tích độ nhạy và phân tích hồi quy, quy trình lập bài toán trên bảng tính, tổng hợp dữ liệu, giải quyết các thuật toán thống kê trên bản tính (thống kê mô tả phân tích đơn biến, thống kê mô tả bản chéo, thống kê mô tả suy diễn- kiểm định, thống kê suy diễn: So sánh trị trung bình)

10.47. Nghiệp vụ kinh doanh ngoại thương Mã môn học: 001806 TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức cơ bản bao gồm: Các phương thức giao dịch mua bán trên thị trường thế giới, hợp đồng thương mại Quốc tế, thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế, vận tải quốc tế, chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển, vận tải đa phương thức quốc tế, bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu chuyên chở bằng đường biển, các điều kiện thương mại quốc tế.

10.48. Thương mại di động Mã môn học: 003893 TC: 3

Trang bị cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu về hoạt động thương mại điện tử trên nền di động

10.49. Thanh toán quốc tế Mã môn học: 002396 TC: 3

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hợp đồng ngoại thương, cách phát hành và lưu thông các phương tiện thanh toán quốc tế, cách thực hiện các phương thức thanh toán trong các giao dịch thương mại, dịch vụ quốc tế và cách kiểm tra, xử lý tình huống tranh chấp phát sinh trong các giao dịch thương mại và dịch vụ quốc tế.

10.50. ERP Hệ thống quản lý nguồn lực của doanh nghiệp

Mã môn học: 003884 TC: 2

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về hệ thống ERP, các giải pháp tích hợp của hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP).

10.51. Quản lý quan hệ khách hàng Mã môn học: 002184 TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức bao gồm: Tổng quan về khách hàng, khái niệm về quản trị quan hệ khách hàng, giao dịch với khách hàng, xây dựng quy trình quản trị quan hệ khách hàng, thực hiện chăm sóc khách hàng, chuỗi công thức Cascade, văn hóa chăm sóc khách hàng.

10.52 Thanh toán điện tử Mã môn học: 003892 TC: 2

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên ngành thương mại điện tử những kiến thức chuyên sâu về các phương thức thanh toán hiện đại được thực hiện trên mạng internet, so sánh với các phương thức truyền thống.

10.53 Marketing số**Mã môn học: 003886****TC: 3**

Trang bị cho sinh viên các kiến thức về marketing trực tuyến; các công cụ marketing trực tuyến. Đồng thời, Đào tạo các kỹ năng vận dụng marketing trực tuyến.

10.54 Logistics trong kinh doanh TMĐT**Mã môn học: 003894****TC: 3**

Trang bị cho SV kiến thức chuyên biệt về những nghiệp vụ Logistics trong kinh doanh thương mại điện tử và nền tảng internet. Đồng thời, trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng các kỹ thuật, công nghệ số và phần mềm trong quản lý Logistics để tối ưu hóa hoạt động Logistics.

10.55. Quản lý dự án**Mã môn học: 002120****TC: 2**

Nội dung học phần Quản lý dự án cung cấp cho học viên kiến thức bao gồm: Giới thiệu các vấn đề cơ bản về dự án, quy trình quản lý dự án, cấu trúc phân công công việc và xây dựng cấu trúc công việc, ngân sách, tài chính cho dự án, lập kế hoạch và tiến độ dự án, tổ chức dự án, kiểm soát dự án, quản trị rủi ro của dự án, quản lý dự án với Microsoft Project.

10.56. Quản lý kho hàng và trung tâm phân phối**Mã môn học: 003890****TC: 2**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ thuật cơ bản trong quản lý kho hàng và trung tâm phân phối. Đồng thời, trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng được các công cụ, kỹ thuật phù hợp để tính toán mức dự trữ tối ưu, thiết kế và quản lý kho hàng và trung tâm phân phối hiệu quả.

10.57. Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh**Mã môn học: 001415****TC: 2**

Nắm vững và vận dụng được những vấn đề cốt yếu cho việc khởi sự kinh doanh như những kế sách,, công nghệ, địa điểm, marketing, tài chính, ý tưởng được lựa chọn cho khởi nghiệp kinh doanh, lập kế hoạch cụ thể cho khởi sự kinh doanh, và thực hành lập kế hoạch kinh doanh cho việc khởi sự.

10.58. Marketing dịch vụ**Mã môn học: 001674****TC: 2**

Nắm vững và vận dụng được kiến thức cơ bản bao gồm: Tổng quan về marketing dịch vụ, nâng cao năng suất trong marketing dịch vụ, khác biệt hóa và định vị dịch vụ của doanh nghiệp, chất lượng dịch vụ, Marketing Mix dịch vụ, lập kế hoạch, tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ.

10.59. Quản trị kinh doanh quốc tế**Mã môn học: 002260****TC: 2**

Nắm vững và vận dụng được kiến thức cơ bản bao gồm: Khái quát về kinh doanh quốc tế và môi trường kinh doanh quốc tế, các định chế và chủ thể trong kinh doanh quốc tế, thương mại quốc tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài, kinh doanh tài chính tiền tệ quốc tế, kinh doanh các dịch vụ quốc tế, chiến lược kinh doanh quốc tế, đàm phán và giao dịch trong kinh doanh quốc tế.

10.60. Nghiên cứu marketing (0*)**Mã môn học: 001797****TC: 2**

Nội dung học phần Nghiên cứu Marketing trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản bao gồm: Giới thiệu chung về nghiên cứu Marketing, xác định mục tiêu nghiên cứu và lập kế hoạch nghiên cứu, môi trường nghiên cứu Marketing, lập kế hoạch lấy mẫu, phương pháp nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp, nghiên cứu dựa trên khảo sát với các bản hỏi, thiết kế bản hỏi, phân tích thống kê dữ liệu và diễn giải, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu, một số lĩnh vực nghiên cứu Marketing.

10.61. Quản lý rủi ro**Mã môn học: 002268 TC: 2**

Nắm vững và vận dụng được kiến thức cơ bản bao gồm: Giới thiệu các vấn đề cơ bản về rủi ro, các phương pháp phân tích rủi ro, định nghĩa hệ thống và cấu trúc, đánh giá rủi ro, hậu quả của hỏng hóc và mức độ nguy hiểm, tính toán kinh tế tài chính, các phương pháp kiểm soát rủi ro, dữ liệu để nghiên cứu rủi ro.

10.62. Quản lý mua hàng (0*)**Mã môn học: 002151 TC: 2**

Nắm vững và vận dụng được kiến thức bao gồm: Giới thiệu về quản lý mua hàng trong chuỗi cung ứng, quá trình mua hàng, các chính sách và thủ tục mua hàng, tích hợp công tác mua hàng để tạo ra thế mạnh cạnh tranh, vai trò mua hàng trong tổ chức, đánh giá và lựa chọn các nhà cung cấp, quản lý chất lượng các nhà cung cấp, quản lý và phát triển các nhà cung cấp.

10.63. Thực hành môn học TMĐT**Mã môn học: 003897 TC: 4**

Nắm vững và vận dụng được kiến thức đã học vào việc phân tích, đánh giá các mặt hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp cụ thể, trên cơ sở đó rút ra được những kiến thức, kỹ năng nghề trước khi ra trường.

10.64. Thực tập tốt nghiệp**Mã môn học: 003029 TC: 4**

Nắm vững và vận dụng được kiến thức bao gồm những nội dung kiến thức thực tế trong quá trình thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp nói chung, tài liệu hướng dẫn sinh viên thực hiện báo cáo tốt nghiệp về thương mại điện tử tại các doanh nghiệp trong các ngành nghề kinh doanh ...

10.65. Khóa luận tốt nghiệp**Mã môn học: 003798 TC: 10**

Nắm vững và vận dụng được kiến thức thực tế chuyên sâu trong thương mại điện tử tại doanh nghiệp, cung cấp tài liệu và hướng dẫn sinh viên thực hiện có thể nghiên cứu và định hình những ý tưởng hoặc các giải pháp thương mại điện tử nhằm cải tiến doanh nghiệp trong các ngành kinh doanh về các lĩnh vực ứng dụng thương mại điện tử

11. Bảng kiểm đánh giá năng lực người học

- Bảng kiểm năng lực cần được đưa vào sử dụng để thực hiện đánh giá năng lực sinh viên tốt nghiệp.

- Bảng kiểm năng lực có thể được áp dụng tại các thời điểm khác nhau để đánh giá trong suốt quá trình theo học chương trình.

- Sinh viên năm thứ 3 trở đi có thể sử dụng Bảng kiểm để tự đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, kỹ năng của mình, từ đó xây dựng kế hoạch cho giai đoạn còn lại để tại thời điểm tốt nghiệp có năng lực như kỳ vọng.

- Khoa có thể sử dụng kết quả đánh giá từ bảng kiểm năng lực để rà soát và điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với CDR của chương trình và môn học đã tuyên bố và yêu cầu của người học và xã hội.

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC
(4 cấp bậc đánh giá: 1. D-TB yếu; 2. C-TB khá; 3. B-Khá; 4. A-Giỏi)

T T	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	TC1	TC2	TC3	TC4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	003923	Triết học Mác - Lê nin	3	45	0		2																		2	
2	003925	Kinh tế chính trị Mác - Lê nin	2	30	0		2																		2	
3	003926	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0		2																		2	
4	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0		2																		2	
5	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	0		2																		2	
6	003137	Tiếng Anh 1	4	60	0														2						2	
7	003144	Tiếng Anh 2	3	45	0														2							
8	000801	Giáo dục thể chất	4	5	110																					
9	000785	Giáo dục quốc phòng	11	90	75																					
10	003360	Toán cao cấp 1	2	30	0	2																				
11	003366	Toán cao cấp 2	2	30	0	2																				
12	003657	Xác suất thống kê	2	30	0	2																				
13	001893	Nhập môn tin học	3	45	0			2										2								
14	002018	Pháp luật đại cương	2	30	0				2							2									3	
15	002244	Quản trị học	3	45	0		3		2						2	2							2	3		
16	001216	Kinh tế vi mô	3	45	0		2		2	2				2												
17	001223	Kinh tế vĩ mô	2	30	0					2				2									2		2	
18	001852	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	45	0	2		2										2								
19	002078	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	3	45	0	2												2								

20	001671	Marketing căn bản	2	30	0		3			2	2		2							2	2				
21	001838	Nguyên lý kế toán	3	45	0	2				3												2		2	2
22	003887	Nhập môn kinh doanh trực tuyến	2	30	0						2	3	3	3					3	3					2
23	002208	Quản lý tài chính	3	45	0	2			2					2	2	2	2	2					2	2	2
24	002199	Quản lý tác nghiệp	3	45	0	2			2	2				2		2	2	2				2	2		2
25	001967	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45	0	2			2		2			2											
26	001422	Lập trình C nâng cao	3	45	0			2			2	2							2						
27	001878	Nhập môn cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	45	0						2	3	3						2	3	2				2
28	001611	Lý thuyết tiền tệ ngân hàng	2	30	0	2					2	2		2											
29	000837	Hành vi tổ chức*	2	30	0	2	2		2						2	2	2					2		2	2
30	001051	Kế toán quản trị và chi phí	2	30	0		2		2							3									
31	001981	Phân tích thẩm định dự án	2	24	6							1				2		1							
32	003889	Quản lý bán lẻ	2	30	0	3	2		2	2	2			2	3	2		3			2	2	3	3	2
33	003885	Hành vi người tiêu dùng*	2	30	0		2		2	2					2	3						2		3	
34	001877	Nhập môn an toàn và bảo mật thông tin	2	21	9			3			3	3	3									3			
35	002176	Quản lý nhân lực	3	45	0	2	2		2						2	2	2	2				2	2	2	2
36	003891	Quản trị thương hiệu	2	30	0	3			2				2		3	2		3	2			2	3	2	2
37	002222	Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng	2	30	0						2	3	3						3	3		2	2	2	3
38	003883	Chiến lược kinh doanh trực tuyến	2	30	0	2			2	2	3		3	2											
39	003888	Pháp luật trong kinh doanh TMĐT	2	30	0				2		3					2							2	3	2
40	003896	Tiếng Anh Thương mại điện tử	3	45	0			2			2	2	2						2	2	2	2			
41	003093	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam	3	30	0				2						2	2	2					2	2	3	3
42	000962	Hệ thống thông tin quản lý	2	30	0	2		2								3		2			3				

43	001841	Nguyên lý lập trình hướng đối tượng	2	24	6			3			2	2	2								2					
44	000247	Cơ sở lập trình web	2	21	9			3			3	3	3								3					
45	003895	Quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu*	2	30	0	2			2	2				2	3	2		3			3			2		
46	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế*	2	30	0	2		3									3									
47	001806	Nghệp vụ kinh doanh ngoại thương*	2	30	0	2			2					2		3			3							
48	003893	Thương mại di động (M-Commerce)	3	45	0			2			3	3							3	3						
49	002396	Thanh toán quốc tế	3	30	0	2			2				3	2			3				3					
50	003884	ERP - Hệ thống quản lý nguồn lực doanh nghiệp	2	30	0	2		3	2	2	3	2	3					2	2	3	3	2				
51	002184	Quản lý quan hệ khách hàng	2	30	0					2		2	3				3			2	3					
52	003892	Thanh toán điện tử	2	30	0						2	3	2						2	3						
53	003886	Marketing số	3	45	0						3	3	3	3					2	3	3	2				
54	003894	Logistics trong kinh doanh TMĐT	3	45	0						3	3	3													
55	002120	Quản lý dự án	2	30	0	2			2	2				2			3	3					2	3	2	3
56	003890	Quản lý kho hàng và trung tâm phân phối*	2	30	0	2			2	2	2	2														
57	001415	Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh	2	30	0				2		3		2	3	2								3	3	3	3
58	001674	Marketing dịch vụ	2	30	0					2	2		2							2						
59	002260	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	30	0				2									3								
60	001796	Nghiên cứu marketing	2	30	0					2				2	2	2	2	3								
61	002268	Quản trị rủi ro	2	30	0									2	3	3		3								
62	002150	Quản lý mua hàng*	2	30	0	2			2		2	2		3												
63	003897	Thực hành môn học thương mại điện tử	4		120		3										3			2	2	2		3	3	
64	003029	Thực tập tốt nghiệp	4		120		3													3	3	3		3	3	
65	003798	Khóa luận tốt nghiệp	10		300		4						3	2	3	4	2	4		3	2	3	3	2	3	3

12. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

12.1. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Môn tham gia giảng dạy trong CTĐT
1	Nguyễn Thị Vân Anh, 1981, Phó trưởng BM	ThS, 2006	QTKD	ĐHĐL, 15/4/2007	Quản lý nhân lực, Lập kế hoạch và khởi sự KD, Quản trị kinh doanh quốc tế
2	Đàm Văn Khanh, 1961, Giảng viên	ThS, 2008	QTKD	ĐHĐL, 05/6/2009	Quản trị học
3	Nguyễn Văn Nam, 1939, Giảng viên	PGS, 1996; TS, 1985	KDTM	ĐHĐL, 01/12/2017	Chiến lược kinh doanh trực tuyến
4	Nguyễn Thu Hương, 1986, Giảng viên	ThS, 2018	QTKD	ĐHĐL, 01/9/2013	Quản trị học
5	Nguyễn Thế Mừng, 1977, Giảng viên	ThS, 2016	Luật	ĐHĐL, 15/6/2006	Pháp luật đại cương, luật kinh tế
6	Vũ Đức Nghĩa, 1979, Giảng viên	TS, 2012	Kinh tế	ĐHĐL, 01/5/2014	Toán rời rạc
7	Trần Thanh Tuấn, 1983, Giảng viên	TS, 2013	Tài chính	ĐHĐL, 01/3/2014	Quản lý tài chính, Phân tích hoạt động kinh doanh
8	Đinh Thị Minh Tâm, 1987, Giảng viên	ThS, 2013	QTKD	ĐHĐL, 01/9/2010	Phân tích thẩm định dự án
9	Lê Thị Mai Hương, 1988, Giảng viên	ThS, 2013	Tài chính	ĐHĐL, 01/5/2010	Quản lý tài chính, Phân tích hoạt động kinh doanh
10	Đặng Quốc Hương, 1990, Giảng viên	ThS, 2015	Tài chính	ĐHĐL, 10/4/2015	Phân tích hoạt động kinh doanh, lý thuyết tiền tệ ngân hàng
11	Lê Quỳnh Anh, 1990, Giảng viên	ThS, 2015	Kế toán	ĐHĐL, 15/3/2012	Nguyên lý kế toán, kế toán quản trị và chi phí
12	Nguyễn Thị Thủy, 1987, Giảng viên	ThS, 2012	Tài chính	ĐHĐL, 01/8/2010	Quản lý tài chính
13	Phạm Việt Bình, 1989, Giảng viên	ThS, 2013	Tài chính	ĐHĐL, 06/9/2014	Hệ thống thông tin quản lý, Tiếng Anh chuyên ngành TMĐT

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Môn tham gia giảng dạy trong CTĐT
14	Phạm Quốc Huân, 1983, Giảng viên	ThS, 2013	Tài chính	ĐHĐL, 15/12/2008	Phân tích hoạt động kinh doanh
15	Nguyễn Thị Kim Chi, 1979, Giảng viên	ThS, 2014	Kế toán	ĐHĐL, 01/01/2011	Kế toán quản trị chi phí, hệ thống thuế Việt Nam
16	Đinh Thị Lan, 1983, Giảng viên	ThS, 2010	Kế toán	ĐHĐL, 01/4/2012	Nguyên lý kế toán, thuế và hệ thống thuế Việt Nam
17	Nguyễn Thị Kim Thanh, 1978, Giảng viên	ThS, 2007	QTKD	ĐHĐL, 01/8/2009	Marketing căn bản, Marketing dịch vụ
18	Cao Thị Phương Thủy, 1982, Giảng viên	ThS, 2009	QTKD	ĐHĐL, 01/10/2012	Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô
19	Trần Xuân Giao, 1989, Giảng viên	ThS, 2018	QTKD	ĐHĐL, 01/11/2018	Nguyên lý kế toán
20	Đặng Thành Chung, 1979, Phó trưởng BM	ThS, 2006	KTCT	ĐHĐL, 01/10/2007	Triết học Mac Lê nin, chủ nghĩa xã hội khoa học
21	Nguyễn Ngọc Hiền, 1985, Giảng viên	ThS, 2011	KT-Kiểm toán	ĐHĐL, 01/11/2011	Nguyên lý kế toán, kế toán quản trị và chi phí
22	Trần Thu Huyền, 1986, Giảng viên	ThS, 2011	Tài chính	ĐHĐL, 15/3/2012	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam
23	Nguyễn Ngọc Trung, 1987, Giảng viên	ThS, 2014	QTKD	ĐHĐL, 01/9/2009	Vệ sinh an toàn thực phẩm, luật du lịch, Quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí và hội nghị
24	Lê Anh Tuấn, 1973, Trưởng khoa	PGS, 2013; TS, 2005	Kinh tế	ĐHĐL, 01/4/2007	Quản lý chiến lược, Phương pháp tối ưu trong quản lý kinh tế
25	Phan Duy Hùng, 1989, Giảng viên	ThS, 2014	KD Thương mại	ĐHĐL, 10/4/2015	Nghiên cứu marketing, nguyên lý thống kê kinh tế, nhập môn kinh doanh trực tuyến
26	Nguyễn Ngọc Thía, 1985, Giảng viên	ThS, 2011	QTKD	ĐHĐL, 01/8/2009	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế, quản lý dự án, quản lý chuỗi cung ứng
27	Nguyễn Trung Hạnh, 1981, Giảng viên	ThS, 2011	QTKD	ĐHĐL, 01/10/2011	Quản lý tác nghiệp, Phân tích thâm định dự án, Thanh toán điện tử,

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Môn tham gia giảng dạy trong CTĐT
28	Dương Văn Hùng, 1988, Giảng viên	ThS, 2014	QTKD	ĐHĐL, 01/6/2012	Marketing số, Quản trị thương hiệu
29	Ngô Trọng Tuấn, 1990, Giảng viên	ThS, 2014	QTKD	ĐHĐL, 01/7/2013	Marketing dịch vụ, Tiếng Anh chuyên ngành TMĐT
30	Nguyễn Thị Việt Ngọc, 1982, Giảng viên	ThS, 2009	QTKD	ĐHĐL, 01/9/2010	Hành vi tổ chức, Hành vi người tiêu dùng
31	Trương Thị Thu Hương, 1979, Giảng viên	ThS, 2007	QTKD	ĐHĐL, 01/11/2011	Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng, Chiến lược kinh doanh trực tuyến
32	Vũ Hồng Tuấn, 1976, Giảng viên	ThS, 2009	QTKD	ĐHĐL, 01/10/2012	Quản trị kinh doanh khách sạn, Giám sát khách sạn
33	Nguyễn Đăng Bộ, 1976, Giảng viên	ThS, 2013	QTKD	ĐHĐL, 01/01/2010	Quản trị học, Quản lý nhân lực
34	Phạm Thị Mai Quyên	Ths, 2014	TMĐT	ĐHĐL, 01/10/2019	Nghiệp vụ ngoại thương, Pháp Luật trong thương mại điện tử,

12.2. Cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ cho chương trình đào tạo

PHÒNG HỌC, GIẢNG ĐƯỜNG, TRANG THIẾT BỊ HỖ TRỢ GIẢNG DẠY

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học	106	14629			
2	Phòng máy tính		875	Máy tính	218	
3	Phòng học ngoại ngữ	0	0			
4	Hội trường	2	292			
5	Thư viện	1	1176	Sách	4448	

DANH MỤC GIÁO TRÌNH DÙNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
1	003923	Triết học Mác Lênin	Giáo trình Triết học Mác - Lênin			Bộ Giáo dục và đào tạo	2019	
2	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh dùng cho các trường Đại học Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh	KMN1800121-3	Bộ giáo dục và đào tạo	Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật	2017	3
3	003360	Toán cao cấp 1	Toán học cao cấp Tập 1 Đại số và hình học giả tích	Vn1101320-568	Nguyễn Đình Trí	Nhà xuất bản Giáo dục	2001	249
4	003366	Toán cao cấp 2	Toán học cao cấp Tập 2 Phép tính giải tích và biến số	Vn1101823-2073	Nguyễn Đình Trí	Nhà xuất bản Giáo dục	2001	250
5	003657	Xác suất thống kê	Giáo trình lý thuyết và xác suất thống kê toán	VN1102929-33; VN1408626-75	Nguyễn Cao Văn	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2008	55
6	001893	Nhập môn tin học	Giáo trình nhập môn tin học	KML1800138	Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Hữu Quỳnh, Nguyễn Thị Thanh Tân	Đại học Điện lực	2014	1
7	002018	Pháp luật đại cương	Pháp luật đại cương dùng cho các trường Đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp			Nhà xuất bản Chính trị quốc gia	2008	
8	002244	Quản trị học	Quản Trị Học	KMV1800209	Nguyễn Hải Sản	Nhà xuất bản Thống kê	2007	1

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
9	001216	Kinh tế vi mô	Bài tập kinh tế vi mô	KMN1800145	PGSTSVũ Kim Dũng	NXB Văn hóa thông tin	2014	1
10	001223	Kinh tế vĩ mô	Giáo trình Kinh tế học vĩ mô	KMV1800240	PGSTS Nguyễn Ái Đoàn	Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội	2010	1
11	001671	Marketing căn bản, Quản trị Marketing	Marketing căn bản	KMN1800266-KMN1800267	PGSTS Trần Minh Đạo	NXB Thống kê	2013	2
12	001852	Nguyên lý thống kê kinh tế	Giáo trình Lý thuyết thống kê	Vv1101275-9	PGSTS Trần Thị Kim Thu	NXB Kinh tế Quốc Dân	2017	1
13	002078	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	Phương pháp định lượng trong quản lý kinh tế	KMV1800110; KMV1800237; KMV1900387	PSGTS Lê Anh Tuấn, Ths Nguyễn Ngọc Thía, TS Dương Trung Kiên	NXB giáo dục Việt nam	2012	3
14	001838	Nguyên lý kế toán	Nguyên lý kế toán	KMV1800234	Nguyễn Tổ Tâm, Nguyễn Ngọc Hiền, Lê Thị Mai Hương, Nguyễn Đức Quang	Nhà xuất bản giáo dục	2012	1
			Hệ thống câu hỏi và bài tập Nguyên lý kế toán	KMV1800233	Nguyễn Tổ Tâm, Nguyễn Ngọc Hiền, Lê Thị Mai Hương, Nguyễn Đức Quang	Nhà xuất bản giáo dục	2012	1
			Nguyên lý kế toán	KMV1800394	Nguyễn Tổ Tâm, Nguyễn Ngọc Hiền, Lê Thị Mai Hương, Nguyễn Đức Quang	Nhà xuất bản giáo dục	2018	1
			Hệ thống câu hỏi và bài tập Nguyên lý kế toán	KMV1800395	Nguyễn Tổ Tâm, Nguyễn Ngọc Hiền, Lê Thị Mai Hương, Nguyễn Đức Quang	Nhà xuất bản giáo dục	2018	1

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
15	002176	Quản lý nhân lực (*)	Quản trị nguồn nhân lực	KMV1800238	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm	NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân	2012	1
16	002208	Quản lý tài chính	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	KMV1800213	TS Bùi Văn Vân, TS Vũ Văn Ninh	Nhà xuất bản Tài chính	2013	1
17	000837	Hành vi tổ chức (*)	Giáo trình Hành vi tổ chức	KMN2000417	Phạm Thúy Hương, Phạm Thị Bích Ngọc	NXB Đại học KTQD	2019	1
18	002199	Quản lý tác nghiệp	Giáo trình Quản trị sản xuất và tác nghiệp	VN1105680-86	Trương Đoàn Thê	NXB Kinh tế Quốc Dân	2007	1
19	002059	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	VN1106691-9	Vũ Cao Đàm	Khoa học kĩ thuật	2005	9
20	002106	Quản trị chiến lược	Giáo trình quản trị chiến lược	Vv1307977-Vv1307996	PGSTS Ngô Kim Thanh	NXB KTQD	2012	20
21	000962	Hệ thống thông tin quản lý	Giáo trình hệ thống thông tin quản lý	Vv1106944-60	Phạm Thị Thanh Hồng	NXB Khoa học và Kỹ thuật	2007	17
22	003786	Tin học ứng dụng trong Quản lý kinh tế	Giáo trình Tin học ứng dụng	KMN 1200003	PGSTS Hàn Viết Thuận	NXB ĐHKT Quốc dân	2012	1
23	002222	Quản lý bán và DVCSKH	Marketing căn bản	KMV1800235	Philip Kotler, [dịch giả: Phan Thăng- Vũ Thị Phụng – Giang Văn Chiến]	NXB Giao thông vận tải	2005	1
24	002134	Quản lý Logistic	Giáo trình Quản trị hậu cần	KMV1800377, KMV1800378	Lê Công Hoa	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012	2
25	001967	Phân tích hoạt động kinh doanh	Giáo trình phân tích kinh doanh	KMV1800211	PGSTS Nguyễn Văn Công	Nhà xuất bản Đại học kinh tế Quốc dân	2009	1

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
26	001023	Kế toán doanh nghiệp	Giáo trình kế toán tài chính 1, 2, 3	KML1800096, KML1800097, KML1800098	Trần Phước	Thống Kê	2009	5
27	002338	Tài chính doanh nghiệp (*)	Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	KMV1800213	TS Bùi Văn Vân	Nhà xuất bản Tài chính	2013	1
28	001981	Phân tích thẩm định dự án (0*)	Tập bài giảng phân tích hiệu quả dự án đầu tư	KMN1800162	PGSTS Phạm Thị Thu Hà	NXB Chính trị quốc gia	2013	1
			Giáo trình lập dự án đầu tư	Vv1100945- Vv1100954	PGSTS Nguyễn Bạch Nguyệt	NXB Đại học KT Quốc dân	2008	10
29	002141	Quản lý Mar	Quản trị marketing	KMV1800100	Philip Kotler, được dịch bởi Vũ Trọng Hùng & Phan Thăng từ cuốn Marketing Management	NXB lao động và xã hội,	2013	1
30	002120	Quản lý dự án	Giáo trình quản lý dự án	KMV1800123	Từ Quang Phương	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2014	1
31	003105	Nhập môn kinh doanh trực tuyến (*)	Giáo trình thương mại điện tử căn bản	KMV1800205, Vv1609081	PGS TS NGUYỄN VĂN HỒNG, TS Nguyễn Văn Thoan	NXB Bách Khoa	2013	2
32	001415	Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh	Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh	KMN1800163	Lưu Đan Thọ	Nhà xuất bản tài chính	2016	1
33	002089	Quản lý chất lượng, Quản lý chất lượng dịch vụ	Giáo trình quản trị chất lượng	KMV1800242, Vv1308017-36	Nguyễn Đình Phan và Đặng Ngọc Sự,	Nhà xuất bản Kinh tế Quốc dân	2012	21
34	003093	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam	Giáo trình Thuế	KMN1800149	Nguyễn Thị Liên	NXB Tài chính	2014	1

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
35	001806	Nghệp vụ KD ngoại thương	Giáo trình Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương, Đại học Ngoại thương	KMN1800167	PGSTS Vũ Hữu Tửu,	NXB Giáo Dục	2014	1
36	001797	Nghiên cứu Mar	Giáo trình Nghiên cứu Marketing,	Vn1105717- Vn1105721	PGS TS Nguyễn Viết Lâm,	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân	2008	5
37	002268	Quản lý rủi ro	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	Vv1107032	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Lao động - Xã hội	2009	1
38	002151	Quản lý mua hàng	Quản trị cung ứng,	KMV1800230, KMV1800113	GSTS Đoàn Thị Hồng Vân, TS Nguyễn Xuân Minh, ThS, Kim Ngọc Đạt,	NXB Tổng hợp TP HCM	2011	2
39	001051	Kế Toán quản trị và chi phí	Giáo trình Kế toán quản trị	KMV1800369-70	PGSTS Nguyễn Ngọc Quang	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2014	2
40	003885	Hành vi người tiêu dùng	Giáo trình hành vi người tiêu dùng		Vũ Huy Thông	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2014	1
41		Kỹ thuật lập trình nâng cao	Kỹ thuật lập trình C: cơ sở và nâng cao		Phạm Văn Át	NXB Thống kê	2003	1
42	001878	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật		Đinh Mạnh Tường	NXB Khoa học kỹ thuật	2003	6
43	003895	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	Quản trị chuỗi cung ứng		Nguyễn Thành Hiếu	NXB Kinh tế Quốc Dân	20115	2
44	003896	Tiếng Anh chuyên ngành TMĐT	E-commerce		Kenneth C Laudon	Pearson	2017	1
45	001841	Nguyên lý lập trình hướng đối tượng	Lập trình hướng đối tượng với C++		Nguyễn Thanh Thủy	NXB Giáo dục	2000	1
46	000247	Cơ sở lập trình Web	Giáo trình thiết kế web		Thạc Bình Cường	NXB Giáo dục	2008	10
47	002396	Thanh toán quốc tế	Giáo trình thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương		PGS.TS. Nguyễn Văn Tiến	NXB Thống kê	2009	1

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
48	001877	Nhập môn an toàn và bảo mật t thông tin	Network Security essentials applications and standard		William Stallings	Prentice Hall	2011	1
49	003884	ERP – Hệ thống quản lý nguồn lực doanh nghiệp	Quản lý nguồn lực trong doanh nghiệp		Nguyễn Công Tiêu	NXB LĐXH	2008	5
50	002184	Quản lý quan hệ khách hàng	Quản trị quan hệ khách hàng		Lưu Đan Thọ - Lượng Văn Quốc	NXB Tài chính	2016	1
51	003890	Quản lý kho hàng và trung tâm phân phối	Hướng dẫn thiết kế và quản lý vận hành kho hàng và trung tâm phân phối		PGS.TS. Lê Anh Tuấn	NXB Khoa học kỹ thuật	2015	1
52	001674	Marketing dịch vụ	Marketing dịch vụ		Lưu Văn Nghiêm	NXB Kinh tế Quốc Dân	2008	1
53	002260	Quản trị kinh doanh quốc tế	Quản trị kinh doanh quốc tế		PGS.TS. Hà Nam Khánh Giao	NXB Tổng hợp TP HCM	2012	1

DANH MỤC SÁCH CHUYÊN KHẢO, TẠP CHÍ CHUYÊN NGÀNH

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
1	003923	Triết học Mác Lênin	Giáo trình Triết học Mác - Lênin,	KMN1800186-7; Vn1106976-7455	Trịnh Thúc Huỳnh	NXB Chính trị quốc gia	2006	482
			Bút ký triết học VI Lê-Nin	Vn1108255-7	VI Lê-Nin	Chính Trị Quốc Gia	2004	3
			Chủ Nghĩa Duy Vật Và Chủ Nghĩa Kinh Nghiệm Phê Phán VI LÊ-NIN	Vn1108246-8	VI Lê-Nin	Chính Trị Quốc Gia	2004	3
2	003925	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	Giáo trình Kinh tế Chính trị Mác-Lênin	Vn1107466-845	Trịnh Thúc Huỳnh	Chính trị Quốc gia	2004	380
3	003926	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Giáo trình Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Vn1107846-8245	Trịnh Thúc Huỳnh	Chính trị Quốc gia	2004	400
			Chủ nghĩa xã hội khoa học	Vn1106809-38	Không có	Giáo dục	2001	30
			Hướng dẫn ôn tập môn chủ nghĩa xã hội khoa học	Vn1106799-808	Phạm Văn Hùng	Giáo dục	1999	10
4	003505	Tur tưởng Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh toàn tập (15 tập)	Vv1107558 (tập 1); Vv1107559 + Vv1107571 (tập 2); Vv1107560 (tập 3); Vv1107561 (tập 4); Vv1107562 (tập 5);	Trịnh Thúc Huỳnh	Chính trị Quốc gia	2004	12
			Hồ Chí Minh toàn tập (15 tập)	Vv1107563 (tập 6); Vv1107564 (tập 7); Vv1107565 (tập 8);	Trịnh Thúc Huỳnh	Chính trị Quốc gia	2004	12

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
			Hồ Chí Minh toàn tập (15 tập)	Vv1107566 (tập 9); Vv1107567 (tập 10); Vv1107568 (tập 11); Vv1107569 (tập 12)	Trịnh Thúc Huỳnh	Chính trị Quốc gia	2004	12
5	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Vn1105954-6263	Trịnh Thúc Huỳnh	Chính trị Quốc gia	2004 (2006)	310
			Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Vn1106839-68	Không có	Giáo dục	2001	30
			Văn kiện Đảng, Toàn tập	Vv1107544	Không có	Chính trị Quốc gia	2002	1
6	003137	Tiếng Anh 1	English grammar in use	KMCD1800246	Raymond Murphy	New York Cambridge	2012	1
			English Vocabulary in use: Pre- intermediate and intermediate	KMCD1800176	Stuart Redman	New York Cambridge University	1997	1
			Tactics for listening Developing	KMCD1800248	Jack C Richard	Sencond Oxenden-American Oxford University Press	2005	1
7	003144	Tiếng Anh 2	English grammar in use	KMCD1800246	Raymond Murphy	New York Cambridge	2012	1
			English Vocabulary in use: Pre- intermediate and intermediate	KMCD1800176	Stuart Redman	New York Cambridge University	1997	1
			Tactics for listening Developing	KMCD1800248	Jack C Richard	Sencond Oxenden-	2005	1

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
						American Oxford University Press		
8	003366	Toán cao cấp2	Bài tập Toán Cao Cấp tập 2	Vn1102074-328	Nguyễn Đình Trí	Giáo dục	2001	252
9	003657	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Xác xuất thống kê	Vn1102782-95	Đào Hữu Hồ	Khoa học - Kỹ thuật	2002	14
			Bài tập Xác suất và Thống kê	Vn1102745-51; VN1408676-725	Nguyễn Cao Văn	Đại học Kinh tế Quốc dân	2013	57
10	001893	Nhập môn tin học	Bài tập nhập môn tin học	KML1800166	Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Hữu Quỳnh, Nguyễn Thị Thanh Tân, Nguyễn Thị Ngọc Tú	Đại học Điện lực		1
			Tự học nhanh Windows XP	Vn1101033-7	Trí Việt, Hà Thành	Văn hóa thông tin	2008	5
			Tự học nhanh tin học văn phòng	Vn1101024-7	Trí Việt, Hà Thành	Văn hóa thông tin	2008	4
11	002018	Pháp luật đại cương	Hiến Pháp 1992, 2013, Bộ luật Hình sự 2000, 2015, Bộ luật dân sự 2005, 2015, Luật lao động 2013, luật đất đai các Bộ luật Tổ tụng Hình sự, Tổ tụng Dân sự	VN1208291-5 VN1100314-8 Vn1208392-6 VN1105254-8				
12	001216	Kinh tế vi mô	Bài tập kinh tế vi mô	KMN1800145	PGSTSVũ Kim Dũng	NXB Văn hóa thông tin	2007	1
13	001223	Kinh tế vĩ mô	Bài giảng kinh tế vĩ mô	KMV1800365- KMV1800366	Nguyễn văn Ngọc	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2013	2
14	001671	Marketing căn bản, Quản trị Marketing	Quản trị marketing	KMV1800363-4	TS Trương Đình Chiến	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2014	2

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
15	001852	Nguyên lý thống kê kinh tế	Bài tập thống kê	KMV1800236	Trương Thị Thu Hường, Phan Duy Hùng, Cao Phương Thủy		2017	1
16	002176	Quản lý nhân lực (*)	Giáo trình quản lý nhân lực trong doanh nghiệp	VV1100479-83,7034	Nguyễn Tấn Thịnh	NXB khoa học và kỹ thuật	2008	6
17	002208	Quản lý tài chính	Giáo trình cơ sở của Quản lý tài chính	Vv1107635-Vv1107639	Nghiêm Sĩ Thương	NXB Giáo dục	2011	5
			Tài chính doanh nghiệp căn bản	Vv1101222	Nguyễn Minh Kiều	NXB Thống kê	2010	1
			Quản trị tài chính doanh nghiệp	Vv1100519-Vv1100523	Vũ Duy Hào	Giao thông vận tải	2009	5
18	001981	Phân tích thẩm định dự án (0*)	Giáo trình lập dự án đầu tư	Vv1100945-Vv1100954	PGSTS Nguyễn Bạch Nguyệt	NXB ĐHKT Quốc dân	2008	10
19	003105	Thương mại điện tử (*)	Giáo trình thương mại điện tử căn bản	KMN1800154	TS Trần văn Hòe	NXB Kinh tế quốc dân	2015	1
20	001415	Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh	Kế hoạch kinh doanh	KMV1800244	Phạm Tuấn Cường, Lê Nguyễn Hậu, Tạ Trí Nhân, Phạm Ngọc Thuý	NXB Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh	2015	1
			Khởi nghiệp tinh gọn	KMV1800243	Eric Ries	Nhà xuất bản thời	2015	1
			Cuộc chơi khởi nghiệp	KMN1800164	William H Draper III	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc Dân	2015	1
			Quốc gia khởi nghiệp	KMN1800166	Dan Senor & Saul Singer	Nhà xuất bản thế giới	2015	1
21	001806	Nghiệp vụ KD ngoại thương	Giáo trình Thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương	KMN1800141	PGSTS Nguyễn Văn Tiến,	NXB Thống kê	2009	1

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
			Giáo trình vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	KMV1800204	TSTrịnh Thị Thu Hương,	NXB Thông tin và truyền thông	2014	1
			Giáo trình trị giá hải quan	KMN1800168	PGSTS Nguyễn Thị Thương Huyền,	NXB Giáo dục	2015	1
22	002134	Quản lý Logistic	Tinh hoa quản trị chuỗi cung ứng	KMN1800179	Michael Hugos	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2015	1
23	001838	Nguyên lý kế toán	Hệ thống câu hỏi và bài tập Nguyên lý kế toán		Nguyễn Tố Tâm, Nguyễn Ngọc Hiền, Lê Thị Mai Hương, Nguyễn Đức Quang	NXB Giáo dục	2012	1
24	003657	Xác suất và thống kê toán	Bài tập lý thuyết xác suất và thống kê toán		Nguyễn Văn Cao	NXB Kinh tế Quốc Dân	2013	20
25	001216	Kinh tế vi mô	Bài tập kinh tế vi mô		PGS.TS. Vũ Kim Dũng	NXB Văn Hóa Thông tin	2014	1
26	001223	Kinh tế vĩ mô	Bài giảng kinh tế vĩ mô		Nguyễn Văn Ngọc	NXB Kinh tế Quốc dân	2010	20
27	002222	Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng	Quản trị bán hàng		James M Comer	NXB Hồng Đức	2008	1
28	000247	Cơ sở lập trình web	Thực hành sử dụng dreamweaver cho thiết kế website		Thạc Bình Cương	NXB Giáo dục	2010	5
29	001611	Lý thuyết tiền tệ ngân hàng	Giáo trình lý thuyết tài chính tiền tệ		PGS.TS. Nguyễn Hữu Tài	NXB Kinh tế Quốc dân	2012	20

13. Hướng dẫn thực hiện và tổ chức chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Thương Mại Điện tử được xây dựng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục đích, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường Đại học Điện lực và theo hướng đổi mới phương pháp giảng dạy gắn liền với thực tiễn, giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thảo luận và tự học, lấy người học làm trung tâm. Đồng thời, chương trình đảm bảo sự liên thông ngang, liên thông dọc phù hợp với quy định hiện hành.

Sinh viên khi nhập học được cung cấp email, tài khoản truy cập vào cổng thông tin Đại học Điện lực để xem thông tin về chương trình đào tạo, các quy chế, qui định liên quan đến đào tạo qua trang web của trường theo địa chỉ <http://www.epu.edu.vn>.

Phòng Đào tạo Trường Đại học Điện lực tổ chức, triển khai thực hiện chương trình giảng dạy theo quy chế đào tạo hiện hành. Trong quá trình thực hiện, các khoa quản lý chương trình đào tạo đề xuất thay đổi các học phần tự chọn, hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với thực tiễn.

Ít nhất 2 năm một lần, các khoa quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo sao cho phù hợp với những thay đổi trong quy định của nhà nước, của nhà trường về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn... Việc rà soát, cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo thực hiện theo quy định hiện hành.

HIỆU TRƯỞNG

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CTĐT

TS. Trương Huy Hoàng

TS. Nguyễn Tố Tâm